

**Mẫu 1.2. Thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

**Đơn vị: Khoa Kinh tế - QTKD**

**THUYẾT MINH ĐỀ TÀI  
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG**

<b>1. Tên đề tài</b>		<b>2. Mã số T2011-56</b>	
Giải pháp phát triển nhà ở cho người có thu nhập thấp tại thành phố Cần Thơ			
<b>2. Lĩnh vực nghiên cứu: Xã hội - Nhân văn</b>			
<b>3. Thời gian thực hiện: 09 tháng</b> Từ tháng: 03/2011 đến tháng 12/2011			
<b>4. Chủ nhiệm đề tài</b> Họ và tên: Mai Lê Trúc Liên, Học vị, chức danh KH: Thạc sỹ kinh tế Chức vụ: Giảng viên Địa chỉ CQ: Đường 3/2, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ Điện thoại CQ: 0710 3838831      Điện thoại di động: 0908747918 Fax: 0710 3839168      E-mail: <a href="mailto:mltlien@ctu.edu.vn">mltlien@ctu.edu.vn</a>			
<b>5. Những người tham gia thực hiện đề tài</b>			
Họ và tên	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn	Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao	Chữ ký
Mai Lê Trúc Liên	Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Cần Thơ; <b>Thạc sỹ kinh tế</b>	Thu thập số liệu, nhập liệu và phân tích số liệu	
Lê Long Hậu	Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Cần Thơ; <b>Ths Tài chính ngân hàng</b>	Phân tích và viết chuyên đề nghiên cứu	
Trần Thị Bạch Yến	Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Cần Thơ; <b>Cử nhân kinh tế</b>	Thu thập số liệu, nhập liệu và phân tích số liệu	
Lê Tấn Nghiêm	Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Cần Thơ; <b>Tiến sỹ kinh tế</b>	Phân tích và viết chuyên đề nghiên cứu	
<b>6. Đơn vị phối hợp chính</b>			
Tên đơn vị trong và ngoài nước	Nội dung phối hợp nghiên cứu	Họ và tên người đại diện đơn vị	

## 7. Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước

- Stuti Lall (2003), "*Housing for the poor and urban development – The Indian dynamics*". An international workshop on Integrated Urban Housing Development, Bourton Hall, UK.
- Margaret. N (2003), "*Integrated Urban Housing Project (IUHP), Nakuru, Kenya: Project Impact Assessment*". An international workshop on Integrated Urban Housing Development, Bourton Hall, UK.
- Sanzida Khanam (2004) "*Increasing access to housing for low income people in Bangladesh through income and employment generation*". World Urban Forum, Barcelona
- Hội thảo "*Nhà ở cho người thu nhập thấp tại các đô thị và khu công nghiệp - thực trạng và giải pháp*" tại Hà Nội. 13/10/2004.

## 8. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, các đề án về xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp (nhà ở xã hội) đã và đang nhận được sự quan tâm đặc biệt của toàn xã hội. Cụ thể, Chính phủ ban hành nhiều cơ chế chính sách về nhà ở cho người thu nhập thấp như Quyết định 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở; Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 20/4/2009 của Chính phủ và các Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg; Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg; Quyết định số 67/2009/QĐ-TTg ngày 24/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển nhà ở cho học sinh, sinh viên các cơ sở đào tạo, nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp tập trung và nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị. Theo khảo sát về tình hình nhà ở do Công đoàn viên chức Việt Nam tiến hành, 19% số CBCCVC hiện đang thuê nhà tập thể của Nhà nước (loại nhà này đã xuống cấp vì qua nhiều năm sử dụng), 14,6% số CBCCVC mua nhà hóa giá nhà tập thể đã được phân phối trước đây, 31% số CBCCVC chưa có nhà ở, phải ở nhờ, ở tạm; 4% CBCCVC phải thuê nhà của tư nhân chất lượng cấp 4 không đảm bảo tiện nghi phục vụ sinh hoạt; 31,4% CBCCVC xây được nhà riêng. Những số liệu này cho thấy nhu cầu nhà ở của cán bộ công chức còn đang rất lớn. Ngoài ra, vấn đề nổi cộm nữa là lao động ở hơn 105 khu công nghiệp và khu chế xuất tập trung chủ yếu là người ngoại tỉnh, đời sống khó khăn, tiền lương thấp, chỗ ở không có phải đi thuê mướn ở trọ. Cụ thể, chỉ có 5% công nhân được ở nhà của các DN xây dựng, 95% công nhân chưa được các DN và các địa phương tạo điều kiện về nhà ở mà phải đi thuê trọ. Từ khi có các chủ trương của Chính Phủ đến nay, trên cả nước đã có nhiều dự án đã và đang được triển khai thực hiện. Tuy nhiên, sau hơn 1 năm triển khai kể từ năm 2009, có khá nhiều vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện và có thể khái quát lại như sau. *Thứ nhất*, ở nhiều địa phương các doanh nghiệp đầu tư dự án gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng phát triển Việt Nam. Phía doanh nghiệp thì đổ lỗi cho Ngân hàng chậm trễ trong việc giải ngân nguồn vốn, trong khi đó phía Ngân hàng lại cho rằng lỗi là một phần do cơ chế của Nhà nước và một phần khác là do các doanh nghiệp không đáp ứng được các thủ tục theo qui định. Thậm chí, có một số doanh nghiệp đã tiên phong đi đầu trong việc thực hiện các dự án này tuyên bố trả lại dự án chưa triển khai hoặc triển khai dở dang cho địa phương. *Thứ hai*, tại một số địa phương trên cả nước đã xảy ra tình trạng một số dự án đã hoàn thiện nhưng vẫn chưa thể bán hoặc cho thuê đến những đối tượng trong diện thu nhập thấp bởi vì chính quyền các địa phương này chưa có các cơ chế, chính sách rõ ràng đối với việc bán và cho thuê nhà từ các dự án này. Vì vậy, đã xảy ra tình trạng một số dự án nhà ở xã hội có nguy cơ bị "bỏ hoang", dẫn đến gánh nặng cho các doanh nghiệp và lãng phí cho xã hội. *Thứ ba*, đối với các đối tượng nằm trong diện được mua, thuê nhà từ những dự án nhà ở xã hội thì cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc, khó khăn trong việc tiếp cận đến các chủ đầu tư và cả những thủ tục hành chính theo qui định của Nhà nước. Ngoài ra, phân loại nhóm đối tượng nào, mức thu nhập bao nhiêu là nên bán, hoặc nhóm đối tượng nào, mức thu nhập bao nhiêu là nên cho thuê cũng là một trong những khó khăn của doanh nghiệp và cả chính sách của Nhà nước.

Riêng tại Thành phố Cần Thơ, một số liệu thống kê gần đây cho thấy 7.500/19.090 công nhân đang làm việc tại các khu công nghiệp, 10.954/18.258 người thuộc các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, 41.281/82.562 người là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước tại Cần Thơ có nhu cầu nhà ở, phần lớn phải ở thuê tại những khu nhà trọ chật hẹp, tạm bợ do người dân tự xây dựng với giá cao. Bình quân mỗi căn từ 9-20m<sup>2</sup> với giá khoảng 300.000-500.000đ/căn (chưa tính tiền điện, nước). Một số khác phải ở tạm cùng gia đình trong căn nhà ba thế hệ. Cung thấp hơn cầu đã xuất hiện nhiều nhà cho thuê mọc lên tràn lan, hỗn độn,



kém chất lượng. Thêm vào đó, một điều tra nhu cầu về nhà ở của CNVC-LĐ trên địa bàn TP Cần Thơ gần đây cho thấy có trên 70% CNVC-LĐ chưa có nhà ở. Ông Nguyễn Trọng Ninh, phó cục trưởng Cục Quản lý nhà (Bộ Xây dựng), nói: “Tỉ lệ trên là khá cao so với mức bình quân NTNT chưa có nhà ở của cả nước (mức bình quân chung khoảng 30 - 35%). Chính vì nhu cầu cấp thiết đối với việc thực hiện các dự án xây nhà cho người có thu nhập thấp trên địa bàn nên thành phố Cần Thơ đã có Đề án Phát triển nhà ở xã hội TP Cần Thơ. Theo đó, từ nay đến năm 2020, TP phải xây dựng 60.000 căn hộ cho người có thu nhập thấp. Trong đó, quận Ninh Kiều khoảng 8.000 căn hộ, quận Cái Răng 16.000 căn, quận Bình Thủy 16.000 căn, quận Ô Môn 12.000 căn, Thốt Nốt 8.000 căn,... Tổng vốn đầu tư toàn bộ chương trình này dự kiến trên 12.600 tỉ đồng thông qua Quỹ Phát triển nhà ở, huy động vốn từ nhiều nguồn như: tiền thu từ việc bán, cho thuê, thuê mua quỹ nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, trích từ 30-50% tiền sử dụng đất các dự án phát triển nhà ở thương mại và các dự án khu đô thị mới trên địa bàn, ngân sách địa phương hỗ trợ hằng năm... Mới đây, TP đã thống nhất chủ trương giao các doanh nghiệp tư nhân, cổ phần triển khai 3 dự án nhà ở dành cho người thu nhập thấp với tổng diện tích sàn xây dựng lên hơn 600.000m<sup>2</sup>, đáp ứng nhu cầu khoảng 6.500 hộ. Ông Lê Hồng Phát - Giám đốc Sở Xây dựng Cần Thơ cho biết 2 dự án triển khai tại Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ thuộc Q.Cái Răng, 1 dự án ở khu Cái Sơn -Hàng Bàng (Q.Ninh Kiều), với tổng mức đầu tư hơn 2.940 tỉ đồng, triển khai trong hai năm 2010 - 2011. Rút kinh nghiệm từ những vấn đề phát sinh của các dự án nhà ở xã hội ở những địa phương khác trên cả nước, chúng tôi đề xuất đề tài nghiên cứu về **“GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NHÀ Ở CHO NGƯỜI CÓ THU NHẬP THẤP TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ”**. Đề tài sẽ góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc chung và cả những khó khăn rất đặc thù riêng của địa phương trong quá trình triển khai các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn, thông qua đó góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện và phục vụ của đề án nhà xã hội của Thành phố Cần Thơ.

## 9. Mục tiêu đề tài

**\* Mục tiêu tổng quát:** Mục tiêu chung của đề tài là phân tích thực trạng triển khai các dự án xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp trên địa bàn thành phố Cần Thơ đứng trên nhiều góc độ bao gồm Chính quyền địa phương, Doanh nghiệp đầu tư dự án, Ngân hàng phát triển và Đối tượng thụ hưởng dự án. Ngoài ra, đề tài cũng sẽ đánh giá một số tác động về kinh tế-xã hội của các dự án này đối với địa phương trong tương lai. Việc đánh giá này sẽ giúp chúng ta thấy được ở mức độ tổng quát những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách và thuận lợi trong việc triển khai các dự án nhà ở xã hội trên thực tế từ nhiều khía cạnh khác nhau. Trên cơ sở phân tích thực tế và kết hợp với việc nghiên cứu kinh nghiệm về dự án nhà ở xã hội ở một số nước phát triển cho cấp độ địa phương, đề tài sẽ đề xuất các giải pháp và kiến nghị đối với các đối tượng có liên quan nhằm tháo gỡ những khó khăn này nhằm giúp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và đưa các dự án này vào phục vụ cộng đồng, xã hội.

### **\* Mục tiêu cụ thể:**

1. Đánh giá tiến độ chung của việc triển khai các dự án nhà ở xã hội theo đề án của thành phố Cần Thơ.
2. Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến việc triển khai dự án từ phía các doanh nghiệp đầu tư dự án.
3. Phân tích vai trò của Chính quyền địa phương và Ngân hàng phát triển Việt Nam trong việc triển khai tiến độ thực hiện các dự án theo các Nghị định của Chính Phủ.
4. Phân tích thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận mua, thuê nhà ở từ các dự án của những đối tượng trong diện ưu tiên theo qui định.
5. Đánh giá một số tác động về mặt kinh tế- xã hội của các dự án nhà ở xã hội đối với thành phố Cần Thơ trong tương lai.
6. Nghiên cứu kinh nghiệm thực hiện các đề án nhà ở xã hội từ các quốc gia khác ở cấp độ vùng, địa phương và rút ra mô hình cho thành phố Cần Thơ.
7. Đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần khắc phục những khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và nhanh chóng đưa các dự án vào phục vụ cộng đồng.

## 10. Phương pháp nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu

## ❖ Phương pháp thu thập dữ liệu:

### \* Dữ liệu sơ cấp:

- Thu thập dữ liệu thông qua phiếu điều tra trực tiếp các bên liên quan trong triển khai thực hiện các dự án tại thành phố Cần Thơ, gồm có Các cơ quan chức năng có liên quan tại địa phương, các Doanh nghiệp đầu tư, Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Đối tượng thụ hưởng dự án theo qui định của Nhà nước. Phạm vi nghiên cứu của đề tài bao gồm 5 quận trung tâm của thành phố Cần Thơ nằm trong đề án nhà ở xã hội đã được thành phố thông qua, đó là Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt và Cái Răng.

### \* Dữ liệu thứ cấp:

- Bên cạnh đó, tác giả sử dụng số liệu thứ cấp từ sách, tạp chí, báo cáo khoa học và các nguồn thông tin từ internet có liên quan đến đối tượng nghiên cứu.

- Các trường Đại học/Viện nghiên cứu, các tổ chức khác: các đề tài, dự án nghiên cứu, tài liệu hội thảo có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

- Các nhận định, đánh giá của các nhà chuyên môn, quản lý trong lĩnh vực quản lý sinh viên.

## ❖ Phương pháp phân tích, xử lý:

- Sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phân tích bảng chéo và so sánh để phân tích.

- Phương pháp thang đo để đánh giá sự khác biệt.

- Phương pháp đánh giá chuyên gia.

## ❖ Mô tả phương pháp phân tích:

### 1. Phương pháp thống kê mô tả:

Bước đầu tiên để mô tả và tìm hiểu về đặc tính phân phối của một mẫu số liệu thô là lập bảng phân phối tần số.

a) *Bảng phân phối tần số*: Bảng phân phối tần số là bảng tóm tắt các dữ liệu được sắp xếp thành từng tổ khác nhau. Để lập một bảng phân phối tần số trước hết ta phải sắp xếp dữ liệu theo một thứ tự nào đó tăng dần hoặc giảm dần. Sau đó thực hiện các bước sau:

Bước 1: Xác định số tổ của dãy phân phối

$$\text{Số tổ} = [(2) * \text{Số quan sát } (n)]^{0.3333}$$

Bước 2: Xác định khoảng cách tổ (k)

$$k = X_{\max} - X_{\min} / \text{số tổ}$$

$X_{\max}$ : Lượng biến lớn nhất của dãy phân phối

$X_{\min}$ : Lượng biến nhỏ nhất của dãy phân phối

Bước 3: Xác định giới hạn trên và dưới của mỗi tổ.

Một cách tổng quát, giới hạn dưới của tổ đầu tiên sẽ là lượng biến nhỏ nhất của dãy số phân phối, sau đó lấy giới hạn dưới cộng với khoảng cách tổ (k) sẽ được giá trị của giới hạn trên, lần lượt cho đến tổ cuối cùng. Giới hạn trên của tổ cuối cùng thường là lượng biến lớn nhất của dãy số phân phối.

Bước 4: Xác định tần số của mỗi tổ bằng cách đếm số quan sát rơi vào giới hạn của tổ đó. Cuối cùng trình bày kết quả trên biểu bảng và sơ đồ.

b) *Phân phối tần số tích lũy*: Phân phối tần số tích lũy (hay tần số cộng dồn) đáp ứng mục đích khác của phân tích thống kê là khi thông tin được đòi hỏi muốn biết tổng số quan sát mà giá trị của nó thì ít hơn một giá trị cho sẵn nào đó.

c) *Một số khái niệm*:

- Giá trị trung bình: Mean, Average: bằng tổng tất cả các giá trị biến quan sát chia cho số quan sát.
- Số trung vị (Median, kí hiệu:  $M_e$ ) là giá trị của biến đứng ở giữa của một dãy số đã được sắp xếp theo thứ tự tăng hoặc giảm dần. Số trung vị chia dãy số làm 2 phần, mỗi phần có số quan sát bằng nhau.
- Mode (kí hiệu:  $M_o$ ): là giá trị có tần số xuất hiện cao nhất trong tổng số hay trong một dãy số phân phối.
- Phương sai: là trung bình giữ bình phương các độ lệch giữa các biến và trung bình của các biến đó.
- Độ lệch chuẩn là căn bậc hai của phương sai

## 2. Phân tích bảng chéo

a) **Định nghĩa:** Cross-Tabulation là một kỹ thuật thống kê mô tả hai hay ba biến cùng một lúc và bảng kết quả phản ánh sự kết hợp hai hay ba biến có số lượng hạn chế trong phân loại hoặc trong giá trị phân biệt.

Mô tả dữ liệu bằng Cross-Tabulation được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu bởi vì: (1) Kết quả của nó có thể được giải thích và hiểu được một cách dễ dàng đối với các nhà quản lý không có chuyên môn thống kê; (2) Sự rõ ràng trong việc giải thích cung cấp sự kết hợp chặt chẽ giữa kết quả nghiên cứu và quyết định trong quản lý; (3) Chuỗi phân tích Cross-Tab cung cấp những kết luận sâu hơn trong những trường hợp phức tạp; (4) Làm giảm bớt các vấn đề của các ô (cells); (5) Tiến hành đơn giản.

### b) Phân tích Cross-Tab hai biến

- Bảng phân tích Cross-Tabulation hai biến còn gọi là bảng tiếp liên (Contingency table), mỗi ô trong bảng chứa đựng sự kết hợp phân loại của hai biến.

- Việc phân tích các biến theo cột hay theo hàng là tùy thuộc vào việc biến đó là biến phụ thuộc hay biến độc lập. Thông thường khi xử lý biến xếp cột là biến độc lập, biến hàng là biến phụ thuộc.

## 3. Phương pháp so sánh

a) **Khái niệm:** Phương pháp so sánh là phương pháp xem xét một chỉ tiêu phân tích bằng cách dựa trên việc so sánh với một chỉ tiêu cơ sở (chỉ tiêu gốc).

b) **Phương pháp thực hiện:** Phương pháp số tương đối: Là tỉ lệ phần trăm % của số liệu năm 2009 so với số liệu những năm học trước để thể hiện mức độ khác nhau.

Đề tài sử dụng phương pháp so sánh phân tích các số liệu thứ cấp để thấy được sự khác nhau trong các quyết định chọn ngành giữa nam và nữ, giữa học sinh phổ thông hiện nay và học sinh phổ thông trước đây.

4. **Đánh giá chuyên gia:** Gặp gỡ, thảo luận và phỏng vấn trực tiếp những chuyên gia, lãnh đạo địa phương, các chủ đầu tư dự án đối tượng thụ hưởng và những người có liên quan.

## 11. Nội dung nghiên cứu và tiến độ thực hiện

Số TT	Các nội dung, công việc thực hiện chủ yếu	Sản phẩm phải đạt	Thời gian (bắt đầu-kết thúc)	Người thực hiện
1	Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương nghiên cứu	01/04/2011-10/04/2011	Lê Long Hậu
2	Thu thập số liệu thứ cấp	Báo cáo tổng hợp số liệu thứ cấp	11/04/2011-11/05/2011	Mai Lê Trúc Liên
3	Thiết lập phiếu điều tra	Phiếu điều tra dự kiến	12/05/2011-	Lê Long Hậu



			22/05/2011	Mai Lê Trúc Liên
4	Khảo sát và điều tra thử	Câu hỏi bổ sung	23/05/2011- 15/06/2011	Mai Lê Trúc Liên Trần Thị Bạch Yến
5	Hoàn chỉnh và tập huấn phiếu điều tra	Phiếu điều tra chính thức	16/06/2011- 30/07/2011	Mai Lê Trúc Liên Trần Thị Bạch Yến
6	Tiến hành điều tra: phỏng vấn trực tiếp	Phiếu điều tra đầy đủ thông tin	01/08/2011- 30/08/2011	Mai Lê Trúc Liên
7	Nhập liệu, phân tích và xử lý số liệu	Bộ số liệu sơ cấp	01/09/2011- 15/09/2011	Mai Lê Trúc Liên Trần Thị Bạch Yến
8	Viết báo cáo theo các chuyên đề	Báo cáo phân tích	16/09/2011- 01/11/2011	Lê Long Hậu Mai Lê Trúc Liên Lê Tấn Nghiêm
9	Hoàn thiện báo cáo	Bảng báo cáo hoàn chỉnh	01/12/2012	Mai Lê Trúc Liên

**12. Sản phẩm của đề tài (sản phẩm phải là kết quả của đề tài; không nên đồng nhất Báo cáo tổng kết đề tài với sản phẩm của đề tài)**

Loại sản phẩm (gạch dưới):

Mẫu	Vật liệu	Thiết bị máy móc	Dây chuyền công nghệ
Giống cây trồng	Giống gia súc	Quy trình công nghệ	Phương pháp
Tiêu chuẩn	Qui phạm	Sơ đồ	<b><u>Báo cáo phân tích</u></b>
Tài liệu dự báo	Đề án	Luận chứng kinh tế	Chương trình máy tính

**Bản kiến nghị** Sản phẩm khác: (không thuộc các loại sản phẩm nêu trên, ghi cụ thể)  
Tên sản phẩm, số lượng và yêu cầu khoa học đối với sản phẩm:

TT	Tên sản phẩm	Số lượng	Yêu cầu khoa học
1	Báo cáo Đánh giá tiến độ chung của các dự án nhà ở xã hội theo đề án về nhà ở xã hội của thành phố Cần Thơ.	01	Có độ chính xác và tin cậy cao, có khả năng được sử dụng làm cơ sở khoa học cho các báo cáo phân tích.
2	Báo cáo Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các dự án từ phía các doanh nghiệp đầu tư.	01	Phản ánh đầy đủ, chính xác các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp. Những khó khăn, vướng mắc mà các doanh nghiệp đang gặp phải. Đánh giá của các doanh nghiệp đầu tư về mức độ hỗ trợ hiện tại của Nhà nước so với mức độ kỳ vọng của họ. Đề xuất của các doanh nghiệp đối với các cơ chế, chính sách có liên quan.
3	Báo cáo Phân tích vai trò của Chính quyền địa phương và Ngân hàng phát triển Việt Nam trong việc triển khai tiến độ thực hiện các dự án theo các Nghị định của Chính Phủ.	01	Đánh giá những hỗ trợ của Chính quyền địa phương đối với việc triển khai các dự án. Đánh giá mức độ hoàn thiện những cơ chế, chính sách theo phạm vi thẩm quyền của địa phương đã được Chính phủ cho phép đối với các dự án nhà ở xã hội. Đánh giá tốc độ giải ngân cho các dự án và cả những những khó khăn, vướng mắc của

			Ngân hàng phát triển VN trong việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân cho dự án.
4	Phân tích thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận mua, thuê nhà ở từ các dự án của những đối tượng trong diện ưu tiên theo qui định.	01	Đánh giá thực trạng về tình hình thu nhập, cư trú và nhận thức của các đối tượng trong diện ưu tiên thuê, mua nhà từ các dự án nhà ở xã hội. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nhà thuê, mua của họ. Khó khăn trong về mặt cơ chế chính sách mà các đối tượng này đang thực tế gặp phải.
5	Phân tích một số tác động của các dự án nhà ở xã hội đối với kinh tế-xã hội ở địa phương.	01	Đánh giá mức độ tác động về mặt kinh tế địa phương như thu nhập, chi phí và mức sống, ..... Đánh giá tác động về mặt xã hội của dự án đối với địa phương như an toàn xã hội, an ninh, ....
6	Nghiên cứu kinh nghiệm thực hiện các đề án nhà ở xã hội từ các quốc gia khác ở cấp độ vùng, địa phương và rút ra mô hình cho thành phố Cần Thơ.	01	Phân tích được những điểm tương đồng và không tương đồng giữa các dự án nhà ở xã hội ở Việt Nam và các quốc gia phát triển khác (Nghiên cứu cho cấp độ vùng, địa phương, tiểu bang, ...) để làm cơ sở đề xuất mô hình cho thành phố Cần Thơ.
7	Đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần khắc phục những khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và nhanh chóng đưa các dự án vào phục vụ cộng đồng. sinh viên nói chung	01	Làm cơ sở khoa học, có tính khả thi cao, có khả năng ứng dụng vào công tác quản lý triển khai thực hiện các dự án nhà ở xã hội trên địa bàn. Đồng thời góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án này và nhanh chóng đưa các dự án vào phục vụ cộng đồng và xã hội.

Kết hợp đào tạo, nếu có (số sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh): 05 sinh viên

Số bài báo công bố (bài): 03 bài báo khoa học

Địa chỉ có thể sử dụng kết quả của đề tài:

- Chính quyền thành phố Cần Thơ và các tỉnh ĐBSCL khác.
- Ngân hàng phát triển Việt Nam.
- Sở xây dựng thành phố Cần Thơ.
- Sở Lao động – Thương binh & Xã hội thành phố Cần Thơ.
- Chính quyền địa phương (các quận trung tâm thành phố Cần Thơ)
- Các doanh nghiệp thực hiện đầu tư dự án nhà ở xã hội.
- Các khu công nghiệp, chế xuất.
- Các đối tượng có thu nhập thấp nằm trong diện được ưu tiên thuê, mua nhà ở.
- Trường Đại học Cần Thơ.

13. Kinh phí thực hiện đề tài và nguồn kinh phí

Tổng kinh phí: 50.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn)

Trong đó:

Kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ: 50.000.000 đồng

Các nguồn kinh phí khác (cơ sở hỗ trợ, tài trợ của cá nhân, tổ chức ...):

Nhu cầu kinh phí từng năm:

- Năm 2011: 50.000.000 đồng

Dự trù tổng kinh phí theo các mục chi (thuê khoán chuyên môn ; nguyên vật liệu, năng lượng; chi khác):

Thuê khoán chuyên môn: 44.000.000 đồng

Nguyên vật liệu, năng lượng: 0 đồng

Chi khác: 6.000.000 đồng

Ngày 28 tháng 5 năm 2011

Đơn vị: TRƯỜNG KHOA KINH TẾ - QTKD



Mai Văn Nam

Ngày 01 tháng 04 năm 2011

Chủ nhiệm đề tài

  
Mai Lê Bức Liên

Ngày 28 tháng 5 năm 2011  
HIỆU TRƯỞNG



  
Lê Quang Trí

